

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/12/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Dung

2. Ông Trần Duy Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Ngày 13/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QQĐST-HNGĐ ngày 07/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị H - sinh năm: 1989

Trú tại: Thôn 5 Đ, xã T, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Đặng Văn T2 - sinh năm: 1988

Trú tại: Thôn 5 Đ, xã T, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - vắng mặt (Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Bàn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn T2 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 01 năm 2007 tại UBND xã T, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Sau kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Sự việc xảy ra vợ chồng tìm cách khắc phục, hai bên gia đình cũng tham gia, khuyên bảo nhưng không thành. Từ tháng

12 năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đặng Văn T2 để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Đặng Tuấn T3 sinh ngày 23/01/2015 và Đặng Q sinh ngày 15/6/2008 hiện nay các cháu phát triển khỏe mạnh bình thường. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu và không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không đề nghị Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Đặng Văn T2 đồng ý với các lời khai của chị H trong quá trình giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn gia đình, con chung. Tuy nhiên anh cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị H đi làm ăn xa, khi về nhà lạnh nhạt với anh, không còn yêu thương anh như trước nữa. Anh đã tham gia và động viên chị H nhưng chị H không nghe mà còn bỏ nhà về ở với bố mẹ để dẫn đến vợ chồng sống ly thân, vì vậy anh cũng đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đặng Q, chị H nuôi cháu Đặng Tuấn T3, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Bàn Thị H làm đơn đề nghị Toà án giải quyết ly hôn anh Đặng Văn T2 và giải quyết nuôi con sau khi ly hôn; anh T2 cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh Đặng Văn T2 vắng mặt tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do nên Toà án không tiến hành hòa giải được.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị H và anh Đặng Văn T2 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai năm 2007, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Anh chị sống hạnh phúc được một thời gian và có 02 người con chung, tuy nhiên hôn nhân hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Anh chị đều thừa nhận về tình trạng mâu thuẫn và thực tế anh chị đã

sống ly thân từ năm 2020 không quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T2 và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần cho ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Đặng Tuấn T3 sinh ngày 23/01/2015 và Đặng Q sinh ngày 15/6/2008 hiện nay các cháu phát triển khỏe mạnh bình thường. Tại các lời khai chị H có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu, không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng, còn anh T2 có nguyện vọng nuôi cháu Đặng Q, để chị H nuôi cháu Đặng Tuấn T3, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị H và anh T2 đều có công việc và thu nhập ổn định, anh chị đều có quyền và n nuôi con chung, vì vậy giao cháu Đặng Q cho anh Đặng Văn T2 và giao cháu Đặng Tuấn T3 cho chị Bàn Thị H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của các cháu.

[5] Về án phí: Chị Bàn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 227, 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị H được ly hôn anh Đặng Văn T2.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Q sinh ngày 15/6/2008 cho anh Đặng Văn T2, giao cháu Đặng Tuấn T3 sinh ngày 23/01/2015 cho chị Bàn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không nên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh Đặng Văn T2 và chị Bàn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001520 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1);
- VKSND tỉnh+ huyện(2);
- THADS huyện (1);
- UBND xã T (01);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS; VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Tiến